| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÁI NƯỚC**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 236/2018/HNGĐ - ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Hà Thanh Khiết**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Nguyễn Văn Sol**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Quách Ngọc K** – sinh năm 1965 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh CM
- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn C** – sinh năm 1964 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh CM.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa Bà Quách Ngọc K trình bày:

Về Hôn nhân: Bà Quách Ngọc K và ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, từ năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cự cải nhau. Trong cuộc sống gia đình hàng ngày vợ chồng mất lòng tin với nhau, mối quan hệ vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay bà K xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung. Nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Bà Quách Ngọc K xác định vợ chồng có hai con chung tên Trần Vũ K - sinh ngày 05 tháng 9 năm 1990 và Trần Trung K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993, hiện tại các con đã trưởng thành và đang sống chung với bà K, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Quách Ngọc K xác định thời gian chung sống vợ chồng làm ăn không thuận lợi nên không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Quách Ngọc K xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Bà Quách Ngọc K và ông Trần Văn C là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Trần Văn C và bà Quách Ngọc K có địa chỉ cư trú tại Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh CM. Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về Hôn nhân: Bà Quách Ngọc K và ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 1990 không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Bà Quách Ngọc K có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Bà Quách Ngọc K đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh CM thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh CM tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên ông Trần Văn C đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải cùng với bà Quách Ngọc K. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trần Văn C và bà Quách Ngọc K được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn C. Ông C và bà K không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông C không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận bà Quách Ngọc K và ông Trần Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Bà Quách Ngọc K xác định ông, bà có hai con chung tên Trần Vũ K - sinh ngày 05 tháng 9 năm 1990 và Trần Trung K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993. HIện đã trưởng thành và sống chung với bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Quách Ngọc K xác định vợ chồng không có tài sản chung và ông C không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Bà Quách Ngọc K. Nên Tòa án không xem xét việc chia tài sản chung của Bà Quách Ngọc K và Ông Trần Văn C tại vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà Quách Ngọc K xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nếu sau này bà K và ông C có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì ông C và bà K đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Quách Ngọc K phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố bà **Quách Ngọc K** và ông **Trần Văn C** không phải là vợ chồng.

[2] Về tài sản chung: Bà Quách Ngọc K xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[3] Về nợ chung: Bà Quách Ngọc K xác định chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nếu sau này bà K và ông C có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì ông C và bà K có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Quách Ngọc K phải nộp 300.000 đồng. Bà Quách Ngọc K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004644 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Bà Quách Ngọc K đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thanh Khiết**